

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 01 năm 2012.

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI	
Số: 32	Ngày:
ĐẾN	Quyết quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị dịch vụ thương mại cao cấp Cù lao Phước Hưng tại xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa
Chuyển:	

QUYẾT ĐỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Thực hiện Văn bản số 666/TTg-KTN ngày 26/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án phát triển khu nhà ở Phước Hưng, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Xét hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị dịch vụ thương mại cao cấp cù lao Phước Hưng, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa (do Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp và Xây dựng Long Hưng làm chủ đầu tư) do Công ty Nikken Sekkei Civil Engineering Ltd. và Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng Nhà Vui lập tháng 11 năm 2011;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Đồng Nai tại Tờ trình số 314/TTr-SXD ngày 13/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị dịch vụ thương mại cao cấp cù lao Phước Hưng, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi, vị trí lập quy hoạch

Thuộc địa bàn xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa và có ranh giới giới hạn như sau:

- | | |
|-------------|---|
| - Phía Bắc | : Giáp sông Trong và sông Giữa; |
| - Phía Nam | : Giáp sông Trong và sông Vàm Cái Súc; |
| - Phía Đông | : Giáp sông Giữa và sân Golf Long Thành; |
| - Phía Tây | : Giáp sông Trong và dự án Khu đô thị sinh thái kinh tế mở Long Hưng. |

2. Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

- Quy mô diện tích : Khoảng 286 ha.
- Quy mô dân số : Khoảng 16.500 người.
- Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.

3. Tính chất, mục tiêu nghiên cứu lập quy hoạch

a) Tính chất: Là khu đô thị xây dựng mới tại khu vực ngoại vi thành phố Biên Hòa, có mật độ xây dựng trung bình, khai thác đặc điểm tự nhiên sông nước bao quanh tạo không gian sống thoáng mát, hiện đại với loại hình nhà ở phần lớn là biệt thự, bên cạnh là nhà ở chung cư cao tầng làm điểm nhấn về không gian kiến trúc. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được xây dựng hoàn chỉnh đồng bộ, gắn kết với các khu vực lân cận.

b) Mục tiêu: Cụ thể hóa định hướng phát triển chung kinh tế xã hội của thành phố Biên Hòa. Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật tính toán phù hợp theo quy chuẩn, quy phạm hiện hành; Xác định vai trò, tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan của dự án; Tạo mối liên kết, thống nhất trong quản lý; Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

a) Quy hoạch phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc:

Trên cơ sở trục giao thông chính theo hướng Bắc Nam đầu nối vào khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Phước Tân (Công ty TNHH Cường Hưng) ở phía Bắc và khu đô thị Aquacity (Công ty cổ phần thành phố Aqua) ở phía Nam. Hình thành 4 nhóm ở chính: Nhóm ở phía Bắc, phía Tây, phía Nam - Đông Nam và khu vực lõi trung tâm. Bố trí một kênh đào dẫn nước vào dự án xuyên suốt theo hướng Bắc Nam với hệ thống cây xanh cảnh quan chạy dọc hai bên bờ kênh, phân định các chức năng quy hoạch chính như sau:

a.1) Đất ở: Gồm loại hình nhà biệt thự và chung cư. Với tổng diện tích khoảng 1.382.788,2m², chiếm tỷ lệ 48,33% diện tích toàn khu, mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao xây dựng 2 - 12 tầng.

- Đất ở biệt thự với tổng diện tích khoảng 1.309.480,61m², chiếm tỷ lệ 45,77% diện tích toàn khu, tổng số 3.107 hộ, gồm:

+ Biệt thự quy mô trung bình với diện tích mỗi lô khoảng 200 – 450 m², tổng số 2.971 hộ, mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao trung bình 3 tầng, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ từ 4 - 7m tùy theo chức năng của từng dãy phố;

+ Biệt thự quy mô lớn với diện tích mỗi lô khoảng 900 – 1600m², bố trí dọc sông về phía Nam – Đông Nam và mũi khu đất quanh khu quy hoạch; Tổng số 136 hộ, mật độ xây dựng trung bình 30%, tầng cao trung bình 2 tầng, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ 10m.

- Đất chung cư: Bố trí tại trung tâm khu quy hoạch với tổng diện tích khoảng 73.307,59m², chiếm khoảng 2,56% diện tích toàn khu, tổng số 624 căn

hộ, mật độ xây dựng 40 - 50%, tầng cao trung bình 12 tầng, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ 10m.

a.2) Đất công cộng - dịch vụ đô thị:

Với tổng diện tích khoảng 200.866,85m², chiếm tỷ lệ 7,02 % diện tích toàn khu, mật độ xây dựng 40 - 50%, tầng cao xây dựng 2 - 25 tầng, gồm:

- Công trình cấp đơn vị ở: Tổ chức tập trung tại khu vực lõi trung tâm, được bao quanh bởi Đường số 1, gồm các công trình chức năng: công trình Trung tâm hành chính, Trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, Bệnh viện, công trình thương mại dịch vụ...

- Công trình cấp nhóm ở: Bố trí 03 trường mẫu giáo và 04 điểm sinh hoạt cộng đồng tại trung tâm các nhóm ở phía Bắc, phía Tây và phía Nam đảm bảo bán kính phục vụ. Ngoài ra khu vực nhóm ở phía Bắc bố trí một trạm y tế, công trình thương mại dịch vụ với quy mô phù hợp phục vụ nhóm ở; Khu vực nhóm ở phía Tây bố trí một trạm xăng.

a.3) Đất cây xanh, mặt nước:

- Gồm các khu công viên cây xanh kết hợp TDTT, cây xanh nhóm ở, cây xanh cảnh quan ven sông và cây xanh cách ly nhằm tạo vi khí hậu, tạo cảnh quan cho đô thị, nơi nghỉ ngơi, sinh hoạt cho người dân trong khu vực. Tổng diện tích cây xanh khoảng 398.871,51 m², chiếm 13,94% diện tích toàn khu. Tổ chức các hình thức: Vườn hoa, sân chơi, lối đi bộ, sân tập TDTT, chòi nghỉ, tạo tiện nghi giải trí công cộng cho người dân, tăng chất lượng cuộc sống và chất lượng môi trường đô thị.

- Tổ chức trồng cây xanh thân mộc, tán rộng tạo bóng mát dọc theo các đường phố với các chủng loại cây: Cây lim xẹt, cây cau vua, cây phượng, cây cau trắng, cây bằng lăng tím, bồ cạp nước,... đưa mảng xanh xuyên suốt trên toàn dự án.

- Diện tích mặt nước khoảng 66.687,85 m², chiếm 2,33%, bao gồm mặt nước tự nhiên, mặt nước kênh đào tạo môi trường cảnh quan sinh thái cho khu quy hoạch.

a.4) Đất giao thông:

Dựa vào hình dáng khu đất, hệ thống giao thông được quy hoạch phù hợp với địa hình tự nhiên, đảm bảo lưu thông thuận tiện giữa các khu trong dự án. Gồm các trục đường giao thông đối ngoại, đối nội và bãi đậu xe. Tổng diện tích 167.795m², chiếm tỷ lệ 33,89% diện tích toàn khu.

a.5) Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Diện tích khoảng 4.317,35m², chiếm tỷ lệ 0,15% diện tích toàn khu. Gồm trạm xử lý nước thải tập trung bố trí ở phía Đông dự án; Các trạm biến áp và trạm viễn thông BTS bố trí xen kẽ trên các khu cây xanh và hành lang giao thông tại vị trí ít ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và hoạt động của khu đô thị.

a.6) Đất tôn giáo:

Trong khu vực quy hoạch hiện có một chùa hiện hữu giữ nguyên vị trí, diện tích khoảng 5.366,41m², chiếm 0,19% diện tích toàn khu.

b) Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	1.382.788,2	48,33
	- Chung cư	73.307,59	5,3
	- Biệt thự	1.309.480,61	94,7
2	Đất công cộng - dịch vụ đô thị	200.866,85	7,02
	- Đất hành chính	4.204,21	
	- Đất công cộng phục vụ sinh hoạt cộng đồng	33.757,75	
	- Đất giáo dục	51.563,19	
	- Đất y tế	19.768,95	
	- Đất thương mại dịch vụ	91.572,75	
3	Đất cây xanh, mặt nước - TDTT	465.559,36	16,27
	- Cây xanh công viên, nhóm nhà ở - TDTT	126.135,94	
	- Cây xanh cảnh quan ven sông, cách ly	272.735,57	
	- Mặt nước (kênh đào)	66.687,85	
4	Đất giao thông	802.173,46	28,04
5	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	4.317,35	0,15
	- Khu xử lý nước thải	3.514,6	
	- Trạm BTS	802,75	
6	Đất tôn giáo	5.366,41	0,19
	Tổng cộng	2.861.071,63	100

Đối với quỹ đất bố trí tái định cư và nhà ở xã hội của dự án sẽ được bố trí trong khu tái định cư của dự án Long Hưng và dự án khu dân cư cho người thu nhập thấp và nhà ở xã hội 46,8ha của Công ty cổ phần Trảng An (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Đồng Nai giữ 98% cổ phần) tại xã Long Hưng và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa theo văn bản số 4246/UBND-CNN ngày 27/6/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư thực hiện xây dựng nhà ở với diện tích khoảng 28,5 ha, trong đó bao gồm 409 lô và 39 block nhà cao tầng thuộc các tuyến đường liên khu vực có lộ giới 30m, 36m và 40m theo Văn bản số 5770/UBND-CNN ngày 23/8/2011 của UBND tỉnh.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Thực hiện theo quy chuẩn, quy phạm Việt Nam hiện hành và các quy phạm xây dựng có liên quan.

Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cụ thể áp dụng cho đồ án:

* Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Chỉ tiêu đất ở : 80 - 85 m²/người.
- Chỉ tiêu đất công trình công cộng : 10 - 15 m²/người.
- Chỉ tiêu đất giao thông : 40 - 45 m²/người.
- Chỉ tiêu đất cây xanh : 20 - 30 m²/người.

* Các chỉ tiêu tầng cao, mật độ xây dựng, chiều cao công trình và số căn hộ:

TT	Chức năng	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao công trình (m)	Số căn hộ
1	Đất ở				
	Biệt thự	30-50	02-03	10-16	3.107
	Chung cư	40-50	09-12	45-55	624
2	Đất công cộng - dịch vụ đô thị				
	Công trình giáo dục	30-40	01-03	6-16	
	Công trình thương mại dịch vụ	40-50	03-25	15-95	
	Tổng cộng				3.731

Các nội dung chi tiết kỹ thuật cụ thể về diện tích, tầng cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, cốt xây dựng... của từng lô đất, của từng công trình được làm rõ trong hồ sơ thuyết minh tổng hợp và bản vẽ quy hoạch phân lô tỷ lệ 1/500.

* Các chỉ tiêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp nước : 150-180 lít/người/ngày. đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước : 80% lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu cấp điện : 1.500 Kwh/người/năm.
- Chỉ tiêu rác thải : 01 kg/người/ngày.
- Thông tin liên lạc : 01 máy/02 người.

Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng của từng tuyến đường, khoảng lùi của các công trình thể hiện cụ thể tại bản vẽ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch hệ thống giao thông:

* *Giao thông thủy:*

Trong dự án có nghiên cứu dự kiến xây dựng một bến tàu nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông đường thủy cho người dân, thực hiện theo thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số 3688/SGTVT-KH ngày 28/11/2011.

* *Giao thông đường bộ:*

Trên cơ sở mạng đường chính của đô thị, hình thành hệ thống giao thông cho khu quy hoạch với các cấp đường:

- Đường trục chính khu vực:
- + Đường số 1, ký hiệu mặt cắt 1-1: Lộ giới 40m (8,5m - 10m - 3m - 10m - 8,5m);
- + Đường số 1A, ký hiệu mặt cắt 6-6: Lộ giới 36m (5m - 11,5m - 3m - 11,5 - 5m);
- + Đường số 2, ký hiệu mặt cắt 2-2: Lộ giới 30m (6m - 8m - 2m - 8m - 6m).
- Giao thông nội bộ của khu vực:
- + Đường số 3, số 4 (đoạn 1), số 5 ký hiệu mặt cắt 3-3: Lộ giới 22m (5m - 12 - 5m)
- + Đường số 4A, ký hiệu mặt cắt 5-5: Lộ giới 26m (4,5m - 6m - 5m - 6m - 4,5m);
- + Đường nội bộ khu ở, ký hiệu mặt cắt 4-4: Lộ giới 15m (4,5m - 6m - 4,5m);

+ Đường số 12A, ký hiệu mặt cắt 8-8: Lộ giới 31,5m (4,5m – 6m – 10,5m – 6m – 4,5m);

+ Đường số 75B, ký hiệu mặt cắt 7-7: Lộ giới 33m (4,5m – 6m – 12m – 6m – 4,5m).

Với các đường cắt, cuối đường tổ chức đường vòng quay xe hình tròn với đường kính $d = 22\text{m}$. Tại các giao lộ các trục đường chính của dự án bố trí hình thức kiến trúc công trình hài hòa với khu vực.

b) Quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

- San nền: Khớp nổi cao độ với các khu vực phụ cận, thoát nước chung cho toàn khu vực trong khu đô thị và các khu vực phụ cận có cùng lưu vực và hệ thống thoát nước liên quan, đảm bảo hợp lý, kinh tế, tránh ngập úng. Do đặc điểm địa hình tự nhiên thấp nên phải tiến hành đắp nền toàn bộ khu vực đến cao độ thiết kế. Cao độ xây dựng $H_{xd} \geq +2.8\text{m}$. Độ dốc san nền tối thiểu : 0,3%

- Cao độ mặt nước trong kênh đào là +1,2m. Cao độ đáy kênh đào là -0,5m.

- Thoát nước mưa: Hướng dốc nền thiết kế cao từ trục đường chính, giữa thấp dần ra phía sông Buông, sông Giữa.

- Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, dựa vào độ dốc tự nhiên của địa hình, độ dốc san nền của dự án.

c) Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch lấy từ lưới điện 22kV dọc theo trục đường chính Hương lộ 2 cấp đến.

- Tổng nhu cầu dùng điện khoảng 21,548 kVA.

- Các trạm điện đều là trạm trong nhà hoặc trạm compact. Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4kV dẫn đến các trạm tiêu thụ.

- Tất cả các tuyến dây, tuyến cáp đi ngầm.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm liên hệ ngành Điện lực để xác định vị trí đấu nối, công suất v.v... và các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong quá trình lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước: Lấy từ nhà máy nước Thiện Tân thông qua hệ thống cấp nước $\Phi 500$ dọc Quốc lộ 51, xây dựng hệ thống dẫn vào cung cấp cho dự án và khu vực.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng $Q = 5.662 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Mạng lưới cấp nước: Tổ chức mạng lưới đường ống dạng mạch vòng khép kín, đảm bảo khả năng cấp nước sinh hoạt và chữa cháy khi cần thiết.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành Cấp nước để thỏa thuận vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn: Từ mạng Viễn thông Đồng Nai thông qua bưu điện xã Tam Phước tổ chức hệ thống dây cáp nội bộ đấu nối với các tủ cáp, hộp cáp trong khu vực.

- Nhu cầu sử dụng thuê bao : khoảng 6.000 thuê bao.

- Mạng lưới: Hệ thống cáp trong khu vực đi ngầm trong các tuyến cống bê xây mới.

- Trạm viễn thông BTS: chủ đầu tư liên hệ Sở Thông tin và Truyền thông để thỏa thuận các vị trí cụ thể lắp đặt các trạm BTS trong dự án; liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành Thông tin liên lạc để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật có liên quan.

g) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước mưa. Tiêu chuẩn thoát nước thải bằng 80% lượng nước cấp.

- Bố trí mạng lưới thu gom nước thải dọc các tuyến đường, toàn bộ nước thải sinh hoạt của các hạng mục công trình phải được xử lý bằng các bể tự hoại hoặc xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn Việt Nam trước khi được dẫn đến trạm xử lý nước thải chung của dự án có công suất dự kiến: $Q=5.500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tại khu vực phía Đông; Xử lý đạt loại A theo Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

- Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa.

- Rác thải: Ký hợp đồng với đơn vị Dịch vụ môi trường đô thị thu gom hàng ngày và đưa đi xử lý bằng xe chuyên dùng tại bãi xử lý theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa.

7. Phân đợt đầu tư và nguồn vốn thực hiện:

Dự kiến phân kỳ đầu tư làm 4 giai đoạn:

- Giai đoạn 1, từ năm 2012 đến 2014: Hoàn tất các thủ tục đầu tư của dự án. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực trục đường chính lộ giới 30m tại nhóm ở khu vực phía Bắc; Đầu tư xây dựng khu biệt thự dọc trục đường chính.

- Giai đoạn 2, từ năm 2014 đến 2016: Tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của dự án tại trục đường vòng chính bao quanh khu vực trung tâm; Xây dựng các dãy biệt thự bám theo trục đường. Khu lõi trung tâm xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng cơ bản gồm trung tâm hành chính, công trình thương mại dịch vụ, công trình y tế, giáo dục.

- Giai đoạn 3, từ năm 2016 đến năm 2018: Đầu tư xây dựng khu biệt thự tại nhóm ở khu vực phía Tây của dự án; Hoàn thành đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng.

- Giai đoạn 4, từ năm 2019 đến năm 2020: Đầu tư xây dựng khu biệt thự tại nhóm ở khu vực phía Nam và Đông - Nam của dự án; Hoàn thiện tất cả các hạng mục còn lại của dự án.

Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ đầu tư.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Biên Hòa, UBND xã Tam Phước, Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Long Hưng, Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo việc chuyển các mốc giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt.

3. Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, Chủ đầu tư thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành, tổ chức lập hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

4. Khi bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

5. Chủ đầu tư lập dự thảo Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, trình Sở Xây dựng thỏa thuận trước khi trình UBND thành phố Biên Hòa ký Quyết định ban hành, thời gian ban hành Quy định quản lý xây dựng là 15 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt quy hoạch được ký.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Tam Phước, Lãnh đạo Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp và Xây dựng Long Hưng, Lãnh đạo các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh Ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN.

An. 12-23

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thị Mỹ Thanh